

Công văn

Tiền Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2017

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 2/2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

"4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp. ..."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) có giải trình như sau:

Chỉ tiêu	Quý 2/2017	Quý 2/2016	Chênh lệch	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.974.137.057.104	5.446.956.070.213	(2.472.819.013.109)	-45%
2. Các khoản giảm trừ	24.809.464.075	34.122.406.902	(9.312.942.827)	-27%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.949.327.593.029	5.412.833.663.311	(2.463.506.070.282)	-46%
4. Giá vốn hàng bán	2.683.572.181.108	5.113.986.233.909	(2.430.414.052.801)	-48%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	265.755.411.921	298.847.429.402	(33.092.017.481)	-11%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	44.105.005.006	27.336.489.624	16.768.515.382	61%
7. Chi phí tài chính	151.044.199.009	172.549.645.578	(21.505.446.569)	-12%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>111.386.797.931</i>	<i>136.744.185.381</i>	<i>(25.357.387.450)</i>	<i>-19%</i>
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(6.978.084.489)	(1.998.039.804)	(4.980.044.685)	-249%
9. Chi phí bán hàng	129.569.032.988	112.259.003.884	17.310.029.104	15%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.805.922.746	38.585.389.304	15.220.533.442	39%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(31.536.822.305)	791.840.456	(32.328.662.761)	-4083%
12. Thu nhập khác	6.150.983.050	12.841.538.011	(6.690.554.961)	-52%

Chỉ tiêu	Quý 2/2017	Quý 2/2016	Chênh lệch	%
13. Chi phí khác	1.734.388.253	677.351.527	1.057.036.726	156%
14. Lợi nhuận khác	4.416.594.797	12.164.186.484	(7.747.591.687)	-64%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.120.227.508)	12.956.026.940	(40.076.254.448)	-309%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(4.509.045.038)	(4.135.935.824)	(373.109.214)	9%
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.887.646.834	4.755.334.002	2.132.312.832	45%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.498.829.304)	12.336.628.762	(41.835.458.066)	-339%
Trong đó:				
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(40.829.779.225)	1.466.929.245	(42.296.708.470)	-2883%
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	11.330.949.921	10.869.699.517	461.250.404	4%

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 11%, tương ứng 33.092.017.481 đồng chủ yếu do:
 - Doanh thu từ thức ăn chăn nuôi giảm do không đủ nguồn cung cấp cá giống, nông dân buộc phải cắt giảm sản lượng nuôi trồng, nhu cầu tiêu thụ thức ăn từ đó giảm theo.
 - Giá cá nguyên liệu tăng do sản lượng thiếu hụt. Giá xuất khẩu cá fillet cũng tăng mạnh do cung không đủ cầu. Công ty chủ động giữ hàng, không bán ngay ra thị trường để chờ ký những hợp đồng giá cao. Doanh số quý 2 sụt giảm 45%, tuy nhiên, phần sụt giảm này sẽ được bù đắp trong quý 3 và quý 4 sắp tới.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 61% chủ yếu là khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh.
- Chi phí tài chính giảm 12%, chủ yếu do chi phí lãi vay giảm được 19% so với quý 2/2016. Tính đến 31/3/2017, số dư nợ vay (ngắn hạn và dài hạn) đã giảm được 7,3% so với đầu kỳ, tương đương (639.574.582.410) đồng.
- Chi phí bán hàng tăng 15% chủ yếu là do tăng chi phí lương thưởng cho bộ phận bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 39% chủ yếu là do chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí lương thưởng cho bộ phận quản lý.
- Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ giảm 42.296.708.470 đồng.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 so với quý 2 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



DƯƠNG NGỌC MINH